

Số: 1400/QĐ-UBND

Tam Đường, ngày 29 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách các hộ chăn nuôi có lợn
nhiễm bệnh Dịch tả lợn Châu Phi buộc phải tiêu hủy năm 2019**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 ;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 1442/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định 719/QĐ-TTg ngày 5/6/2008 về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ kinh phí trong phòng chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 03/4/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về việc quy định cụ thể nội dung và định mức hỗ trợ kinh phí tiêu hủy lợn để phòng chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 326/TTr-NN&PTNT ngày 27/8/2019;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách các hộ chăn nuôi có lợn nhiễm bệnh Dịch tả lợn Châu Phi buộc phải tiêu hủy năm 2019 như sau:

1. Tổng số hộ có lợn buộc tiêu hủy: 225 hộ.
2. Thời gian tiêu hủy: Từ ngày 24/4/2019 đến ngày 23/8/2019.
3. Số lượng, trọng lượng lợn tiêu hủy: Tổng 1.816 con lợn, trọng lượng 100.238 kg.

(Chi tiết có danh sách kèm theo)

Điều 2. Giao phòng Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi có lợn nhiễm bệnh dịch tả lợn Châu phi buộc phải tiêu hủy theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Thủ trưởng các cơ quan: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn: Thèn Sin, Bình Lư, Tả Lèng, Nà Tăm, Sùng Phài, Thị trấn Tam Đường, Khun Há, Bản Hôn, Bản Giang và Bản Bo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Sứng

**DANH SÁCH CÁC HỘ CHĂN NUÔI CÓ LỢN NHIỄM BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI
HƯỘC PHẢI TIÊU Hủy (TỪ NGÀY 24/4 ĐẾN NGÀY 26/6/2019)**

(Kèm theo Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2019 của UBND huyện Tam Dương)

TT	Nội dung	Ngày tiêu hủy	Lợn công		Lợn Nái		Lợn đực giống		Lợn thịt và lợn con		Ghi chú
			Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	
	Tổng cộng		1.360,0	80.037,0	173,0	20.496,0	13,0	743,0	1.174,0	58.798,0	
I	Xã Thèn Sin		244,0	15.167,0	26,0	3.128,0	3,0	152,0	215,0	11.887,0	
<i>a</i>	<i>Bản Đông phong</i>		<i>174,0</i>	<i>12.964,0</i>	<i>10,0</i>	<i>1.963,0</i>	-	-	<i>164,0</i>	<i>11.001,0</i>	
1	Nguyễn Văn Ninh	24/4/2019	27,0	2.689,0	1,0	240,0			26,0	2.449,0	
2	Phạm Văn Anh	26/4/2019	62,0	2.447,0					62,0	2.447,0	
3	Nguyễn Văn Thành	01/5/2019	32,0	2.577,0	4,0	591,0			28,0	1.986,0	
4	Lã Thị Găng	01/5/2019	5,0	474,0	1,0	247,0			4,0	227,0	
5	Nguyễn Văn Ninh	05/5/2019	19,0	2.027,0	3,0	764,0			16,0	1.263,0	
6	Nguyễn Quang Vinh	05/5/2019	6,0	160,0	1,0	121,0			5,0	39,0	
7	Trần Văn Sâm	05/5/2019	9,0	1.051,0					9,0	1.051,0	
8	Đỗ Quang Giao	05/5/2019	14,0	1.539,0					14,0	1.539,0	
<i>b</i>	<i>Bản Thèn Sin 1</i>		<i>8,0</i>	<i>222,0</i>	<i>1,0</i>	<i>46,0</i>	-	-	<i>7,0</i>	<i>176,0</i>	
9	Vàng Văn Lâm	25/4/2019	3,0	136,0					3,0	136,0	
10	Lù Trọng Bảo	29/4/2019	5,0	86,0	1,0	46,0			4,0	40,0	
<i>c</i>	<i>Bản Thèn Sin 2</i>		<i>46,0</i>	<i>1.411,0</i>	<i>10,0</i>	<i>659,0</i>	<i>2,0</i>	<i>134,0</i>	<i>34,0</i>	<i>618,0</i>	
11	Lò Văn Nghĩa	27/4/2019	7,0	143,0	1,0	52,0			6,0	91,0	
12	Lò Văn Hưng	28/4/2019	1,0	65,0	1,0	65,0					
13	Lò Văn Minh	28/4/2019	6,0	127,0	1,0	79,0			5,0	48,0	
14	Lò Văn Khôi	30/4/2019	2,0	18,0					2,0	18,0	
15	Lò Văn Tim	02/5/2019	3,0	173,0	2,0	128,0	1,0	45,0			
16	Lò Văn Út	03/5/2019	14,0	249,0	1,0	80,0	1,0	89,0	12,0	80,0	
17	Lò Văn Ệ	03/5/2020	2,0	110,0	2,0	110,0					
18	Lò Văn Nành	08/5/2019	5,0	131,0	1,0	60,0			4,0	71,0	
19	Lò Văn Diệu	24/5/2019	6,0	395,0	1,0	85,0			5,0	310,0	
<i>d</i>	<i>Bản Sin Cầu</i>		<i>2,0</i>	<i>48,0</i>	<i>1,0</i>	<i>38,0</i>	-	-	<i>1,0</i>	<i>10,0</i>	
20	Hàng A Thảo	25/4/2019	2,0	48,0	1,0	38,0			1,0	10,0	
<i>đ</i>	<i>Bản Na Đông</i>		<i>14,0</i>	<i>522,0</i>	<i>4,0</i>	<i>422,0</i>	<i>1,0</i>	<i>18,0</i>	<i>9,0</i>	<i>82,0</i>	
21	Lã Như Quỳnh	27/4/2019	2,0	307,0	2,0	307,0					
22	Thùng Văn Lém	02/5/2019	3,0	90,0	1,0	55,0	1,0	18,0	1,0	17,0	
23	Thùng Văn Dìn	05/5/2019	9,0	125,0	1,0	60,0			8,0	65,0	
II	Xã Bình Lư		1.012,0	60.879,0	124,0	15.373,0	8,0	542,0	880,0	44.964,0	
<i>a</i>	<i>Bản Hưng Bình</i>		<i>436,0</i>	<i>29.564,0</i>	<i>38,0</i>	<i>5.866,0</i>	-	-	<i>398,0</i>	<i>23.698,0</i>	
1	Nguyễn Văn Thắng	26/4/2019	28,0	1.601,0	2,0	335,0			26,0	1.266,0	
2	Nguyễn Văn Bắc	26/4/2019	22,0	1.594,0	1,0	249,0			21,0	1.345,0	
3	Nguyễn Văn Ánh	30/4/2019	3,0	269,0					3,0	269,0	

TT	Nội dung	Ngày tiêu hủy	Tổng cộng		Lợn Nái		Lợn đực giống		Lợn thịt và lợn con		Ghi chú
			Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	
4	Nguyễn Đức Tuấn	30/4/2019	16,0	874,0	2,0	365,0			14,0	509,0	
5	Phạm Thị Yên	03/5/2019	41,0	2.356,0	2,0	363,0			39,0	1.993,0	
6	Nguyễn Văn Ngọc	04/5/2019	13,0	503,0	1,0	153,0			12,0	350,0	
7	Nguyễn Văn Hoàn	04/5/2019	27,0	1.691,0	2,0	295,0			25,0	1.396,0	
8	Nguyễn Đức Diu	05/5/2019	20,0	1.092,0	2,0	408,0			18,0	684,0	
9	Nguyễn Văn Đình	05/5/2019	13,0	1.210,0	2,0	362,0			11,0	848,0	
10	Nguyễn Văn Hùng	05/5/2019	13,0	864,0	3,0	343,0			10,0	521,0	
11	Đình Bá Toàn	05/5/2019	11,0	635,0					11,0	635,0	
12	Hoàng Đình Sinh	07/5/2019	12,0	639,0					12,0	639,0	
13	Nguyễn Văn Xuyên	08/5/2019	16,0	1.723,0					16,0	1.723,0	
14	Nguyễn Văn Thu	08/5/2019	9,0	351,0					9,0	351,0	
15	Nguyễn Phú Sáng	08/5/2019	16,0	1.007,0					16,0	1.007,0	
16	Nguyễn Thị Thảo	08/5/2019	28,0	2.079,0	2,0	361,0			26,0	1.718,0	
17	Đỗ Văn Hùng	08/5/2019	6,0	154,0	1,0	103,0			5,0	51,0	
18	Nguyễn Thị Chín	08/5/2019	9,0	664,0	1,0	291,0			8,0	373,0	
19	Lã Như Hòa	08/5/2019	14,0	1.330,0					14,0	1.330,0	
20	Nguyễn Văn Toàn	13/5/2019	17,0	1.882,0	2,0	347,0			15,0	1.535,0	
21	Nguyễn Văn Thoát	14/5/2019	2,0	180,0	2,0	180,0					
22	Đình Trọng Đông	16/5/2019	12,0	260,0					12,0	260,0	
23	Nguyễn Văn Hải	16/5/2019	4,0	116,0					4,0	116,0	
24	Nguyễn Hữu Việt	19/5/2019	9,0	701,0	1,0	129,0			8,0	572,0	
25	Nguyễn Văn Hào	19/5/2019	8,0	466,0	3,0	393,0			5,0	73,0	
26	Hoàng Đình Quân	23/5/2019	5,0	450,0	1,0	145,0			4,0	305,0	
27	Nguyễn Văn Nghĩa	26/5/2019	14,0	1.174,0					14,0	1.174,0	
28	Hoàng Văn Cừ	26/5/2019	12,0	1.211,0	1,0	109,0			11,0	1.102,0	
29	Nguyễn Hữu Tuấn (Thắm)	31/5/2019	15,0	1.670,0	6,0	789,0			9,0	881,0	
30	Nguyễn Thị Huệ	31/5/2019	21,0	818,0	1,0	146,0			20,0	672,0	
b	Bàn Pa Pe		26,0	919,0	3,0	258,0	-	-	23,0	661,0	
31	Lò Văn Năm	26/4/2019	9,0	669,0	1,0	107,0			8,0	562,0	
32	Lò Thị Điếng	07/5/2019	11,0	119,0	1,0	74,0			10,0	45,0	
33	Lò Văn Kham	21/5/2019	6,0	131,0	1,0	77,0			5,0	54,0	
c	Bàn Tân Bình		307,0	20.719,0	30,0	4.471,0	4,0	227,0	273,0	16.021,0	
34	Lại Văn Thiềm	26/4/2019	20,0	1.774,0	1,0	190,0			19,0	1.584,0	
35	Nguyễn Văn Mến	26/4/2019	21,0	2.258,0					21,0	2.258,0	
36	Nguyễn Duy Thăng	30/4/2019	26,0	1.478,0	5,0	541,0			21,0	937,0	
37	Nguyễn Quý Nhung	30/4/2019	26,0	1.240,0	1,0	130,0			25,0	1.110,0	
38	Nguyễn Văn Thanh	30/4/2019	8,0	751,0	3,0	474,0	3,0	101,0	2,0	176,0	
39	Nguyễn Thành Năm	01/5/2019	14,0	1.248,0	3,0	397,0	1,0	126,0	10,0	725,0	
40	Trần Đình Kháng	01/5/2019	18,0	2.166,0					18,0	2.166,0	

TT	Nội dung	Ngày tiêu hủy	Tổng cộng		Lợn Nái		Lợn đực giống		Lợn thịt và lợn con		Ghi chú
			Số lợn (con)	Trong lượng (kg)	Số lợn (con)	Trong lượng (kg)	Số lợn (con)	Trong lượng (kg)	Số lợn (con)	Trong lượng (kg)	
41	Nguyễn Thị Trang	01/5/2019	10,0	245,0	1,0	136,0			9,0	109,0	
42	Hoàng Đình Nhung	01/5/2019	31,0	2.627,0	5,0	534,0			26,0	2.093,0	
43	Nguyễn Văn Mạnh	03/5/2019	5,0	520,0	1,0	109,0			4,0	411,0	
44	Nguyễn Đình Huế	05/5/2019	13,0	972,0					13,0	972,0	
45	Bùi Văn Giáo	07/5/2019	11,0	225,0	2,0	215,0			9,0	10,0	
46	Hoàng Đình Tiến	07/5/2019	18,0	1.279,0	1,0	310,0			17,0	969,0	
47	Đình Danh Thường	07/5/2019	35,0	1.608,0	2,0	432,0			33,0	1.176,0	
48	Lại Văn Doanh (Lan)	08/5/2019	11,0	762,0					11,0	762,0	
49	Hoàng Thị Chín	19/5/2019	1,0	235,0	1,0	235,0					
50	Nguyễn Đình Trinh	26/5/2019	10,0	390,0	1,0	214,0			9,0	176,0	
51	Trần Đình Trường	26/5/2019	18,0	515,0	2,0	312,0			16,0	203,0	
52	Đình Thị Thường	16/6/2019	1,0	109,0					1,0	109,0	
53	Nguyễn Thị The	25/6/2019	10,0	317,0	1,0	242,0			9,0	75,0	
d	Bàn Nà Phát		223,0	9.057,0	49,0	4.440,0	4,0	315,0	170,0	4.302,0	
54	Lò Văn Chợ	24/4/2019	1,0	65,0	1,0	65,0					
55	Lương Thị Khu	03/5/2019	7,0	279,0	1,0	42,0			6,0	237,0	
56	Lò Văn Là	03/5/2019	9,0	473,0	3,0	277,0	1,0	150,0	5,0	46,0	
57	Lò Văn Chom	03/5/2019	18,0	780,0	2,0	236,0	1,0	91,0	15,0	453,0	
58	Lò Văn Tiểu	03/5/2019	3,0	234,0	1,0	119,0			2,0	115,0	
59	Lò Thị Xuân	03/5/2019	3,0	166,0	1,0	114,0			2,0	52,0	
60	Lò Văn Sợi	05/5/2019	18,0	703,0	2,0	257,0			16,0	446,0	
61	Lò Văn Lâm	07/5/2019	12,0	590,0	2,0	179,0			10,0	411,0	
62	Lò Thị Hiền	07/5/2019	8,0	122,0	1,0	61,0			7,0	61,0	
63	Lương Thị Dơi	10/5/2019	13,0	215,0	2,0	130,0			11,0	85,0	
64	Lò Thị Hoa	16/5/2019	6,0	389,0	4,0	363,0			2,0	26,0	
65	Lò Văn Vinh	16/5/2019	13,0	739,0	2,0	238,0			11,0	501,0	
66	Lò Văn Tú	16/5/2019	7,0	164,0	1,0	94,0			6,0	70,0	
67	Lò Văn Nác	16/5/2019	9,0	219,0	1,0	76,0			8,0	143,0	
68	Vàng Thị Tâm	16/5/2019	12,0	249,0	1,0	83,0			11,0	166,0	
69	Lò Văn Thịnh	16/5/2019	5,0	141,0	1,0	57,0	1,0	43,0	3,0	41,0	
70	Vàng Văn Hù	19/5/2019	8,0	368,0	2,0	161,0			6,0	207,0	
71	Mùng Thị Hon	19/5/2019	2,0	224,0	2,0	224,0					
72	Lò Thị Van	19/5/2019	3,0	150,0	3,0	150,0					
73	Vũ Đức Huy	19/5/2019	2,0	113,0	1,0	66,0			1,0	47,0	
74	Lò Thị Thượng	19/5/2019	7,0	298,0	1,0	93,0	1,0	31,0	5,0	174,0	
75	Lò Văn Chanh	19/5/2019	2,0	70,0	1,0	44,0			1,0	26,0	
76	Lò Thị Thắm	26/5/2019	10,0	171,0	1,0	92,0			9,0	79,0	
77	Lò Văn Cóm	26/5/2019	4,0	306,0	2,0	208,0			2,0	98,0	
78	Vân Văn Sơn (Sum)	31/5/2019	27,0	1.284,0	5,0	522,0			22,0	762,0	

TT	Nội dung	Ngày tiêu hủy	Tổng cộng		Lợn Nái		Lợn đực giống		Lợn thịt và lợn con		Ghi chú
			Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	
79	Hà Văn Khén	31/5/2019	11,0	200,0	2,0	144,0			9,0	56,0	
80	Mùng Văn Cùi	10/6/2019	3,0	345,0	3,0	345,0					
<i>e</i>	<i>Bản Nà Khan</i>		<i>20,0</i>	<i>620,0</i>	<i>4,0</i>	<i>338,0</i>	-	-	<i>16,0</i>	<i>282,0</i>	
81	Vàng Văn Thăm	31/5/2019	2,0	145,0	2,0	145,0					
82	Hà Văn Ninh (Thương)	31/5/2019	11,0	306,0	1,0	89,0			10,0	217,0	
83	Lò Văn Công	02/6/2019	7,0	169,0	1,0	104,0			6,0	65,0	
III	Xã Tả Lềng		31,0	815,0	5,0	479,0	-	-	26,0	336,0	
<i>a</i>	<i>Bản Thèn Pá</i>		<i>31,0</i>	<i>815,0</i>	<i>5,0</i>	<i>479,0</i>	-	-	<i>26,0</i>	<i>336,0</i>	
1	Giàng A Thanh	20/6/2019	7,0	217,0	2,0	182,0			5,0	35,0	
2	Thào A Chổng	21/6/2019	2,0	141,0	-	-			2,0	141,0	
3	Giàng A Chừ	21/6/2019	9,0	105,0	1,0	63,0			8,0	42,0	
4	Vàng Thị Giàng	21/6/2019	12,0	279,0	1,0	161,0			11,0	118,0	
5	Hàng A Di	21/6/2019	1,0	73,0	1,0	73,0			-	-	
IV	Xã Nà Tăm		16,0	409,0	4,0	266,0	1,0	29,0	11,0	114,0	
<i>a</i>	<i>Bản Nà Luồng</i>		<i>16,0</i>	<i>409,0</i>	<i>4,0</i>	<i>266,0</i>	<i>1,0</i>	<i>29,0</i>	<i>11,0</i>	<i>114,0</i>	
1	Lò Văn Điển	23/5/2019	2,0	12,0					2,0	12,0	
2	Lò Văn Pánh (Si Nội)	24/5/2019	7,0	134,0	1,0	90,0			6,0	44,0	
3	Lò Văn Hặc (Bun)	24/5/2019	2,0	76,0	1,0	62,0			1,0	14,0	
4	Lò Thị Xôm (Anh)	26/5/2019	2,0	82,0	1,0	53,0	1,0	29,0			
5	Lò Thị Ngân (Chăn)	26/5/2019	3,0	105,0	1,0	61,0			2,0	44,0	
V	Xã Sùng Phài		29,0	1.109,0	10,0	754,0	1,0	20,0	18,0	335,0	
<i>a</i>	<i>Bản Sùng Phài</i>		<i>18,0</i>	<i>780,0</i>	<i>7,0</i>	<i>547,0</i>	-	-	<i>11,0</i>	<i>233,0</i>	
1	Chèo A Cáo	29/5/2019	3,0	184,0	2,0	150,0			1,0	34,0	
2	Tần Ú Chiêm	29/5/2019	8,0	448,0	3,0	269,0			5,0	179,0	
3	Hoàng Dao Liềm	29/5/2019	7,0	148,0	2,0	128,0			5,0	20,0	
<i>b</i>	<i>Bản Sin Chải</i>		<i>6,0</i>	<i>199,0</i>	<i>2,0</i>	<i>137,0</i>	<i>1,0</i>	<i>20,0</i>	<i>3,0</i>	<i>42,0</i>	
4	Chèo Lão Sủ (Quái Nhân)	14/6/2019	6,0	199,0	2,0	137,0	1,0	20,0	3,0	42,0	
<i>c</i>	<i>Bản Cư Nhà La</i>		<i>5,0</i>	<i>130,0</i>	<i>1,0</i>	<i>70,0</i>	-	-	<i>4,0</i>	<i>60,0</i>	
5	Hàng A Si	14/6/2019	5,0	130,0	0,0	70,0			4,0	60,0	
VI	Thị trấn Tam Đường		24,0	1.553,0	3,0	432,0	-	-	21,0	1.121,0	
<i>a</i>	<i>Cò Lú</i>		<i>24,0</i>	<i>1.553,0</i>	<i>3,0</i>	<i>432,0</i>	-	-	<i>21,0</i>	<i>1.121,0</i>	
1	Vũ Văn Thân	4/6/2019	9,0	759,0	1,0	156,0			8,0	603,0	
2	Hoàng Văn Kèn	4/6/2019	2,0	233,0	-	-			2,0	233,0	
3	Vùi Văn Chín	4/6/2019	11,0	285,0	-	-			11,0	285,0	
4	Trần Đình Bạo	15/6/2019	2,0	276,0	2,0	276,0					
VII	Xã Khun Há		4,0	105,0	1,0	64,0	-	-	3,0	41,0	
<i>a</i>	<i>Bản Cán Hồ</i>		<i>4,0</i>	<i>105,0</i>	<i>1,0</i>	<i>64,0</i>	-	-	<i>3,0</i>	<i>41,0</i>	
1	Lú A Súa	01/6/2019	4,0	105,0	1,0	64,0			3,0	41,0	

**DANH SÁCH CÁC HỘ CHĂN NUÔI CÓ LỢN NHIỄM BỆNH DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI
BƯỚC PHÁT TIÊU HỦY (TỪ NGÀY 27/6 ĐẾN NGÀY 23/8/2019)**

(Kèm theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2019 của UBND huyện Tam Đường)

T T	Nội dung	Tổng cộng		Lợn Nái		Lợn đực giống		Lợn thịt và lợn con		Ghi chú
		Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	
	Tổng cộng	456,0	20.201,0	86,0	8.371,0	13,0	808,0	357,0	11.022,0	
I	Xã Sùng Phài	60,0	1.547,0	13,0	894,0	4,0	57,0	43,0	596,0	
<i>a</i>	<i>Bản Sin Chài</i>	<i>39,0</i>	<i>711,0</i>	<i>8,0</i>	<i>469,0</i>	<i>4,0</i>	<i>57,0</i>	<i>27,0</i>	<i>185,0</i>	
1	Phản Phú Ngan	01/7/2019	4,0	138,0	1,0	69,0	1,0	13,0	2,0	56,0
2	Chào Mạn Lụa (Sơn)	01/7/2019	1,0	48,0	1,0	48,0				
3	Phản Văn Lù	10/7/2019	5,0	130,0	2,0	105,0			3,0	25,0
4	Chèo Quái Nhân (Hìn)	17/7/2019	14,0	215,0	2,0	112,0	3,0	44,0	9,0	59,0
5	Hoàng Duẩn Chin	17/7/2019	15,0	180,0	2,0	135,0			13,0	45,0
<i>b</i>	<i>Bản Cư Nhà La</i>		<i>15,0</i>	<i>671,0</i>	<i>3,0</i>	<i>285,0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>12,0</i>	<i>386,0</i>
6	Chèo San Mậy	28/6/2019	8,0	145,0	1,0	71,0			7,0	74,0
7	Sùng A Trùng	14/7/2019	3,0	166,0	1,0	64,0			2,0	102,0
8	Vũ Hồng Yên (HK TP, 10/7)	16/7/2019	4,0	360,0	1,0	150,0			3,0	210,0
<i>c</i>	<i>Bản Sùng Phài</i>		<i>5,0</i>	<i>90,0</i>	<i>1,0</i>	<i>65,0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4,0</i>	<i>25,0</i>
9	Tần Sênh Chiêu	12/7/2019	5,0	90,0	1,0	65,0			4,0	25,0
<i>d</i>	<i>Bản Suối Thầu</i>		<i>1,0</i>	<i>75,0</i>	<i>1,0</i>	<i>75,0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
10	Giàng A Lệnh	20/8/2019	1,0	75,0	1,0	75,0				
II	Xã Tả Lèng		34,0	975,0	7,0	411,0	1,0	29,0	26,0	535,0
<i>a</i>	<i>Bản Tả Lèng 2</i>		<i>15,0</i>	<i>258,0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1,0</i>	<i>29,0</i>	<i>14,0</i>	<i>229,0</i>
1	Hàng A Dê	12/7/2019	12,0	74,0			1,0	29,0	11,0	45,0
2	Hàng A Dê (B)	31/7/2019	3,0	184,0					3,0	184,0
<i>b</i>	<i>Bản Thèn Pá</i>		<i>14,0</i>	<i>499,0</i>	<i>4,0</i>	<i>235,0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>10,0</i>	<i>264,0</i>
3	Giàng A Páo	16/7/2019	6,0	220,0	2,0	147,0			4,0	73,0
4	Vàng A Dê	16/7/2019	1,0	63,0	1,0	63,0				
5	Giàng A Gia	4/8/2019	1,0	93,0					1,0	93,0
		6/8/2019	3,0	37,0	1,0	25,0			2,0	12,0
		12/8/2019	2,0	15,0					2,0	15,0
6	Giàng Thị Dung	16/8/2019	1,0	71,0					1,0	71,0
<i>c</i>	<i>Bản Pho Lao Chài</i>		<i>4,0</i>	<i>160,0</i>	<i>2,0</i>	<i>118,0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>2,0</i>	<i>42,0</i>
7	Vàng A Phừ	24/7/2019	1,0	50,0	1,0	50,0				
8	Hàng A Cáng	8/6/2019	3,0	110,0	1,0	68,0			2,0	42,0
<i>d</i>	<i>Bản Lùng Trù Hồ Pên</i>		<i>1,0</i>	<i>58,0</i>	<i>1,0</i>	<i>58,0</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
9	Lý A Tùng	27/7/2019	1,0	58,0	1,0	58,0				
III	Xã Bàn Hôn		109,0	5.771,0	23,0	3.083,0	5,0	587,0	81,0	2.101,0
<i>a</i>	<i>Bản Nà Khum</i>		<i>34,0</i>	<i>2.029,0</i>	<i>9,0</i>	<i>1.118,0</i>	<i>1,0</i>	<i>161,0</i>	<i>24,0</i>	<i>750,0</i>
1	Tao Văn Pá	13/7/2019	9,0	343,0	1,0	150,0			8,0	193,0
2	Tao Văn Phá	13/7/2019	1,0	51,0					1,0	51,0

T	Nội dung		Tổng cộng		Lợn Nái		Lợn đực giống		Lợn thịt và lợn con		Ghi chú
			Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	
3	Lò Văn Phát	13/7/2019	4,0	240,0	1,0	94,0			3,0	146,0	
4	Lò Văn Hiền	26/7/2019	1,0	103,0	1,0	103,0					
5	Lò Văn Khảm	20/7/2019	6,0	595,0	3,0	325,0	1,0	161,0	2,0	109,0	
6	Lò Văn Sò	23/7/2019	1,0	174,0	1,0	174,0					
		2/8/2019	11,0	431,0	1,0	180,0			10,0	251,0	
7	Tao Văn Ún	22/7/2019	1,0	92,0	1,0	92,0					
b	Bản Thảm		8,0	341,0	3,0	251,0	-	-	5,0	90,0	
8	Lò Văn Pầu	24/7/2019	1,0	76,0	1,0	76,0					
9	Tao Văn Coóng	9/8/2019	1,0	72,0	1,0	72,0					
10	Lò Văn Kèo	14/8/2019	5,0	90,0	-	-			5,0	90,0	
11	Lò Văn Chum	16/8/2019	1,0	103,0	1,0	103,0					
c	Bản Hon 2		57,0	3.165,0	10,0	1.627,0	3,0	408,0	44,0	1.130,0	
12	Tao Văn Coóng	21/7/2019	2,0	48,0					2,0	48,0	
13	Nguyễn Đức Văn	2/8/2019	6,0	622,0	3,0	499,0	1,0	50,0	2,0	73,0	
		5/8/2019	3,0	298,0	1,0	255,0	-	-	2,0	43,0	
		7/8/2019	19,0	643,0	1,0	228,0	-	-	18,0	415,0	
		12/8/2019	4,0	585,0	4,0	585,0					
		15/8/2019	2,0	358,0	-	-	2,0	358,0	-	-	
		21/8/2019	10,0	382,0					10,0	382,0	
14	Tao Văn Thòn	3/8/2019	3,0	58,0					3,0	58,0	
15	Vàng Văn Phất	1/8/2019	4,0	79,0					4,0	79,0	
16	Tao Văn Chom	5/8/2019	1,0	60,0	1,0	60,0					
		23/8/2019	3,0	32,0					3,0	32,0	
d	Bản Hon 1		3,0	138,0	1,0	87,0	-	-	2,0	51,0	
17	Lò Văn Xeng	8/8/2019	1,0	87,0	1,0	87,0					
18	Tao Văn Nội	14/8/2019	2,0	51,0	-	-			2,0	51,0	
d	Bản Bãi Trâu		7,0	98,0	-	-	1,0	18,0	6,0	80,0	
19	Tao Văn Bàu	19/8/2019	7,0	98,0			1,0	18,0	6,0	80,0	
IV	Xã Bình Lư		53,0	2.174,0	9,0	916,0	-	-	44,0	1.258,0	
a	Bản Pa Pe		28,0	1.447,0	6,0	635,0	-	-	22,0	812,0	
1	Tao Văn Khấn (Ốn)	21/7/2019	1,0	136,0	1,0	136,0					
2	Tao Văn Chum	25/7/2019	3,0	213,0	2,0	180,0			1,0	33,0	
3	Lò Văn Ngân	25/7/2019	9,0	433,0	1,0	110,0			8,0	323,0	
4	Tao Văn Sâu	25/7/2019	7,0	372,0	1,0	92,0			6,0	280,0	
5	Lò Văn Kèo (Khấn)	26/7/2019	4,0	86,0					4,0	86,0	
6	Lò Văn Ban	15/8/2019	4,0	207,0	1,0	117,0			3,0	90,0	
b	Bản Nà Khan		25,0	727,0	3,0	281,0	-	-	22,0	446,0	
7	Lò Văn Thịch	16/8/2019	7,0	234,0	2,0	209,0			5,0	25,0	
8	Lò Văn Thắng	16/8/2019	3,0	90,0	-	-			3,0	90,0	

T T	Nội dung		Tổng cộng		Lợn Nái		Lợn đực giống		Lợn thịt và lợn con		Ghi chú
			Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	
9	Lò Văn Ninh	19/8/2019	10,0	292,0	1,0	72,0			9,0	220,0	
10	Giàng Văn Sơn	21/8/2019	5,0	111,0	-	-			5,0	111,0	
V	Xã Bản Giang		80,0	3.820,0	1,0	1.264,0	1,0	45,0	68,0	2.511,0	
a	Bản Giang		57,0	2.907,0	9,0	1.159,0	-	-	48,0	1.748,0	
1	Vàng Văn Tung	23/7/2019	4,0	293,0					4,0	293,0	
2	Lò Văn Quý	25/7/2019	1,0	137,0	1,0	137,0					
3	Dầu Văn Khang	30/7/2019	1,0	127,0	1,0	127,0					
4	Lù Thị Thích	31/7/2019	1,0	36,0					1,0	36,0	
5	Vàng Văn Hèn	31/7/2019	18,0	833,0	1,0	153,0			17,0	680,0	
6	Lý Văn Hin	1/8/2019	1,0	98,0					1,0	98,0	
		6/8/2019	1,0	111,0					1,0	111,0	
7	Lù Văn Cừ	1/8/2019	1,0	111,0	1,0	111,0					
8	Vàng Văn Sĩ	6/8/2019	3,0	132,0					3,0	132,0	
9	Vùi Văn Viễn	7/8/2019	2,0	39,0					2,0	39,0	
10	Vàng Văn Vương	8/8/2019	8,0	239,0	1,0	125,0			7,0	114,0	
11	Lù Văn Chiến	10/8/2019	1,0	234,0	1,0	234,0			-	-	
12	Vàng Thị Tài	14/8/2019	3,0	187,0	1,0	104,0			2,0	83,0	
13	Châu Văn Cò	17/8/2019	7,0	127,0	1,0	87,0			6,0	40,0	
14	Tận Thị Cháp	21/8/2019	3,0	66,0	-	-			3,0	66,0	
15	Thào A Kính	23/8/2019	2,0	137,0	1,0	81,0			1,0	56,0	
b	Bản Nà Cơ		8,0	435,0	-	-	-	-	8,0	435,0	
16	Lò Văn Pán	28/7/2019	2,0	62,0					2,0	62,0	
17	Lù A Lầu (Lò Thị Dè)	30/7/2019	6,0	373,0					6,0	373,0	
c	Bản Tẩn Phủ Nhiêu		13,0	430,0	1,0	80,0	1,0	45,0	11,0	305,0	
18	Lù A Ngan	30/7/2019	1,0	38,0					1,0	38,0	
		5/8/2019	1,0	31,0					1,0	31,0	
19	Lù A Dài	30/7/2019	1,0	121,0					1,0	121,0	
		13/8/2019	9,0	206,0	1,0	80,0	1,0	45,0	7,0	81,0	
20	Tần A Lao	22/8/2019	1,0	34,0					1,0	34,0	
d	Bản Sin Chải		2,0	48,0	1,0	25,0	-	-	1,0	23,0	
21	Tần A Chải	13/8/2019	1,0	23,0					1,0	23,0	
22	Lù Văn Nguyên	22/8/2019	1,0	25,0	1,0	25,0					
VI	Xã Bản Bo		35,0	1.841,0	8,0	696,0	1,0	62,0	26,0	1.083,0	
a	Phiêng Pằng		26,0	1.250,0	5,0	373,0	1,0	62,0	20,0	815,0	
1	Tao Văn Bun	27/7/2019	8,0	483,0					8,0	483,0	
		31/7/2019	14,0	543,0	2,0	192,0	1,0	62,0	11,0	289,0	
2	Tao Văn Chân	27/7/2019	1,0	41,0	1,0	41,0					
3	Tao Văn Phôm	27/7/2019	1,0	43,0					1,0	43,0	
4	Lò Văn Năm	17/8/2019	1,0	72,0	1,0	72,0					

T T	Nội dung		Tổng cộng		Lợn Nái		Lợn đực giống		Lợn thịt và lợn con		Ghi chú
			Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	Số lợn (con)	Trọng lượng (kg)	
5	Lò Văn Khâm	17/8/2019	1,0	68,0	1,0	68,0					
<i>b</i>	<i>Bàn Hưng Phong</i>		7,0	429,0	1,0	161,0	-	-	6,0	268,0	
6	Đình Thị Mai	4/8/2019	1,0	161,0	1,0	161,0					
7	Nguyễn Duy Xuân	18/8/2019	6,0	268,0					6,0	268,0	
<i>c</i>	<i>Bàn Hợp Nhất</i>		2,0	162,0	2,0	162,0	-	-	-	-	
8	Đèo Văn Đò	16/8/2019	1,0	67,0	1,0	67,0					
9	Lò Văn Pênh	16/8/2019	1,0	95,0	1,0	95,0					
VII	Xã Nà Tăm		4,0	218,0	4,0	218,0	-	-	-	-	
<i>a</i>	<i>Bàn Nà Ít</i>		4,0	218,0	4,0	218,0	-	-	-	-	
1	Lò Văn Kèo (Són)	6/8/2019	2,0	106,0	2,0	106,0					
2	Lò Văn Chăn (Hót)	15/8/2019	1,0	52,0	1,0	52,0					
3	Vàng Văn Bun (Ca)	17/8/2019	1,0	60,0	1,0	60,0					
VIII	Thị trấn Tam Đường		81,0	3.855,0	11,0	889,0	1,0	28,0	69,0	2.938,0	
<i>a</i>	<i>Bàn Nậm Tường</i>		14,0	417,0	3,0	178,0	-	-	11,0	239,0	
1	Đèo Văn Linh	4/8/2019	1,0	73,0	1,0	73,0			-	-	
2	Sý Văn Duy	11/8/2019	1,0	67,0	1,0	67,0			-	-	
3	Lò Thị Khâm	13/8/2019	5,0	65,0	1,0	38,0			4,0	27,0	
4	Sý Văn Đan	17/8/2019	2,0	77,0					2,0	77,0	
5	Tao Văn Nhân	19/8/2019	1,0	35,0					1,0	35,0	
6	Vàng Văn Nam	21/8/2019	1,0	61,0					1,0	61,0	
7	Lò Văn Nơi	21/8/2019	3,0	39,0					3,0	39,0	
<i>b</i>	<i>Bàn Đồng Khởi</i>		3,0	172,0	3,0	172,0	-	-	-	-	
8	Hà Văn Bình	5/8/2019	2,0	90,0	2,0	90,0					
9	Lò Văn Cừ	5/8/2019	1,0	82,0	1,0	82,0					
<i>c</i>	<i>Bàn Máy Đường</i>		11,0	765,0	2,0	290,0	-	-	9,0	475,0	
10	Nguyễn Đình Hải	7/8/2019	2,0	290,0	2,0	290,0			-	-	
11	Nguyễn Đức Hùng	9/8/2019	9,0	475,0	-	-			9,0	475,0	
<i>d</i>	<i>Bàn Tiên Bình</i>		17,0	647,0	-	-	-	-	17,0	647,0	
12	Phạm Thị Oanh	9/8/2019	17,0	647,0					17,0	647,0	
<i>đ</i>	<i>Bàn Cò Lá</i>		3,0	99,0	1,0	94,0	-	-	2,0	5,0	
13	Vùi Văn Ôn	12/8/2019	3,0	99,0	1,0	94,0			2,0	5,0	
<i>e</i>	<i>Bàn Mường Cầu</i>		33,0	1.755,0	2,0	155,0	1,0	28,0	30,0	1.572,0	
14	Nguyễn Đức Hệ	19/8/2019	7,0	690,0	-	-	-	-	7,0	690,0	
		22/8/2019	20,0	755,0	-	-	-	-	20,0	755,0	
15	Lò Văn Bộ	19/8/2019	1,0	94,0	1,0	94,0	-	-	-	-	
16	Sý Văn Hin	21/8/2019	2,0	89,0	1,0	61,0	1,0	28,0	-	-	
17	Lò Văn Thiên	23/8/2019	3,0	127,0	-	-	-	-	3,0	127,0	